

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3

(Phần Trung)

Kinh nói: “Mặc y pháp phục”: như kinh Anh Lạc nói: “Nếu Thiên Long bát bộ đấu tranh, nhớ nghĩ đến ca-sa thì liền sinh tâm từ bi”, ý muốn cho Tỳ-kheo sao có thể không nhẫn được? Cũng khiến chúng sinh thể tục kinh mộ ưa thích, long được một sợi tơ, sừng trâu một phen chạm đến... Vua kia mến mộ cùng đây đại đồng. Trong đây chỉ hợp nêu ý sở kiến, lấy Tựa nêu Chánh. Các độ, hạnh tướng, công đức và ca-sa... chỉ là nương vào đây để rộng nêu rõ đó thôi! Nhưng chắc cần phải biện rõ hành thể hiển giáo để phân vị sai khác. “Sinh nhẫn...”: Trong văn có hai giải thích: Đầu thông dùng ba câu để giải thích ba nhẫn. Tiếp, mỗi một câu biệt đối ba nhẫn, cần phải phụ văn giải thích nêu nguyên do. Nếu phân ba nhẫn đối bốn giáo thì: Sinh nhẫn, Khổ nhẫn biệt tại sơ giáo, thông làm bốn cảnh, người nào không cần đủ hai thứ này ư! Biệt tại địa tiền. “Câu Phật đạo”: Trong đây tuy không có mà chỉ nói ước lệ. Văn kế tiếp, tức dùng tụng kinh làm Đệ nhất nghĩa. Nếu không cầu Phật, thì nhẫn không liên quan đến tụng, cho nên lấy tụng kinh đồng nghĩa cầu Phật đạo. Đệ nhất nghĩa nhẫn thông cũng tại ba, biệt chỉ Viên Biệt cho nên khiến ba câu các giáo không đồng, như kinh Biệt Dịch A-hàm. Khi Phật ở Xá-vệ có một Phạm chí đi đến chỗ Phật, dùng các lời lẽ thô ác hủy mắng để xúc não Phật. Đức Phật bảo Phạm Chí: Như ông dùng các món thức ăn dâng lên vua và để lại cho thân tộc, các vị ấy không thọ nhận, thì vật ấy thuộc về ai? Phạm chí nói: Thuộc về tôi. Phật bảo: Đây cũng như vậy, ta không thọ nhận lời nói của ông, chúng lại thuộc về ông. Cho nên, đây không thọ nhận cũng là Sinh nhẫn, cho nên đây riêng thuộc Tam tạng giáo tại A-hàm. Thông ở Thông giáo, về lý không thọ nhận, hướng chỉ thông dụng. Các giáo cộng đó, danh kia đã thông, cần phải giải thích tương trạng. Tiếp đến, trong phần nói về “Tinh tấn”, thật tướng cũng có thể thông bốn biệt hai. Trong phần nói về “Thiền nói” “cách chung đều có căn bản tu”: là các giáo đều tu. Nếu thông

đạt căn bản thì thành xuất thế và xuất thế thượng thượng, đầy đủ như Chỉ Quán Thiền Cảnh nêu, nay văn nói lược chỉ nói “Xuất thế Thượng thượng” và dùng “căn bản”. “Căn bản” tức Tam tạng, “Xuất thế” tức Thông giáo, “Thượng thượng” tức Biệt Viên. Lại bốn giáo đều dùng căn bản làm cảnh, cho nên giải thích hàng trước thông liên quan đến các giáo. Trong hàng trước nói “ly dục”: là theo Thông giáo. “Lại, căn bản...” là hai giáo Tạng Thông bởi vì hai giáo này đều tu căn bản bối xả... Nhưng cần phải biết: quán hạnh vẫn còn là Biệt, để biện rõ hai giáo. Biệt thì lia Nhị thừa lại theo nạn thuyết, trung đạo ly dục, nghĩa trung đạo thông Viên Biệt, theo Viên mà thọ tên.

Lại lần nữa giải thích “thâm tu” (tu sâu): Do thâm tu nên ly dục không đồng, tức là trong Căn bản cũng nên truyền truyền làm thâm. Trong đây căn bản cho đến Nhị thừa đầy đủ sáu đến nay cũng đủ ý hai giáo Tạng Thông. Biệt giáo “ngũ thông” như văn. Cũng có thể nương ở sơ địa trở lên. Viên giáo thì từ đầu đến cuối đều đủ lục thông, chỉ căn cứ lý viên, chẳng có lỗi thiếu sót cho nên nghĩa lập lục thông. Nếu theo Thật thuyết, thì Sơ địa, Sơ trụ phần đặc Vô lậu thông. “An thiên...” Trước trong thông giải thích thì thông sâu cạn. Nay Thượng thượng thiên thì biệt tại Biệt Viên. Trong phần giải thích “Bát-nhã hóa tha”, nói “Định tuệ đầy đủ”: là người Biệt giáo làm lợi ích cho chúng sinh, nói theo chiều ngang thì đủ các giáo cho đến Viên giáo. Nay theo Cực thuyết cho nên lần lượt so sánh cho đến Địa, Trụ thì mới đầy đủ. Vì vậy trong văn, đầu từ Sắc định cũng gọi là “đẳng”, đẳng cho nên đầy đủ, hữu lậu mà còn “đẳng” hướng chỉ các thứ khác ư! Bối xả... gọi là “đẳng bất đẳng”, là căn cứ “Vô lậu sự thiên” để phán xét. Đã nói chán bối cho nên phần nhiều thuộc tuệ. Cửu định gọi là định, là từ danh phân biệt, bởi vì vô gián nhập. Thập nhất thiết xứ, thì tám xứ trước thuộc tuệ, hai xứ sau thuộc định. Lại, tám thứ trước tại sắc trong Sắc giới, cũng tự đặc đẳng đã như trước nói. Trước là nhân duyên. “Lại, Nhị thừa...” là căn cứ giáo phê phán, Nhị thừa tức hai giáo trước, Bồ-tát và Phật tức bốn giáo nghĩa đầy đủ. “Không quán...” : là căn cứ quán mà phê phán. “Phá ma...”: Bốn đức Phật đều có bốn tướng hàng phục ma, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Nếu đối giáo: Quán Không quán Giả thuộc Biệt giáo, quán Trung thuộc Viên giáo tức đầy đủ hai nghĩa giáo quán, cho đến Địa Trụ đều có “phá tám ma mười ma”, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Rốt ráo phá tận, cho nên nói “phá nhất thiết ma”.

“Kích phạm...”: Tức Phạm âm chân thật vi diệu là Sở chuyển.

Đã hàng phục ma rồi thì nên chuyển pháp luân. Văn theo Thật thuyết, chỉ nói Sơ trụ. Thông luận bốn Đức Phật đều năng chuyển, cho đến chân diệu cũng thông bốn Đức Phật. Tiếp, căn cứ “không thứ lớp” nói “tùy thấy mà hỏi” là: Hỏi: Trước nêu sở kiến, phải chăng không là tùy thấy? Đáp: Đều là tùy thấy, chỉ vì hai cách không đồng. Từ biên không thứ lớp thì tùy thấy, là hơn cả. Nếu một phen thấy như thế, thì đủ trải qua năm thời, đâu ngăn ngại việc thấy theo thứ lớp hay không thứ lớp. “Sau Tam tạng...”: Đây thì hoàn toàn do đức Phật kia nói. Vả lại, như thấy người thấy hạnh thì không ngăn ngại thấy nói. “Xả thiền”: là đệ tứ thiền, cũng có thể theo Biệt Viên thì không nhớ là “xả”, quên thiền kia nên gọi là “xả”. “Bi thiền”: Luận Bà-sa nói: Sơ thiền tu Bi dễ, Nhị thiền tu Hỷ dễ, Tam thiền tu Từ dễ, Tứ thiền tu Xả dễ. Trong đây Bi thiền đã nói hóa tha, đâu riêng gì sơ thiền, cho nên trong luận Bà-sa còn có thông biệt hướng chi đại giáo ư. Cho nên mỗi một thiền đều nên nói Từ cho đến Hỷ Xả. “Kinh Hoa nghiêm Tư Ích...”: Hoa Nghiêm đầy đủ có hai. Tư Ích đầy đủ có bốn. Bởi vì Tư Ích đầu quyển hai nói rõ Bồ-tát phóng quang chiếu khắp mười phương A-tăng-kỳ nước, hết thấy phiền não hết thấy tật bệnh gặp hào quang thì an lạc, phiền não bệnh khổ đều nói “hết thấy”, cho đến Phật tự phóng hào quang lục độ, người xúc chạm đến thì đều được lợi ích, cho nên đều đầy đủ bốn. Do sơ địa theo lệ Phật cũng nên không ngăn ngại, nên được dẫn. Thứ nhất nói: Đức Phật bảo Tư Ích Phạm Thiên: Năng giáo chúng sinh nhất thiết trí tâm, đó gọi là Bồ thí, không xả Bồ-đề tâm gọi là Trì giới, không thấy tâm tướng sinh diệt gọi là Nhãn, cầu tâm bất khả đắc gọi là Tiến, trừ thân tâm thô gọi là Thiền, lìa các lý luận gọi là Tuệ, lẽ nào chẳng phải Tam tạng lục độ ư? Thứ hai nói: Ta nói bồ thí gọi là Niết-bàn, ngu nghĩa là đại phú, bởi vì nhập các pháp thật tướng của các pháp. Trì giới là Niết-bàn, vì không tác không khởi. Nhãn là Niết-bàn, vì niệm niệm diệt. Tiến là Niết-bàn, vì vô sở thủ. Thiền là Niết-bàn, vì không tham trước. Tuệ là Niết-bàn, vì bất đắc tướng. Lại nói: Bồ thí bình đẳng tức Tát-bà-nhã, cho đến Bát-nhã tức Tát-bà-nhã. Lại nói: Bồ thí không thí không xam tham, cho đến Bát-nhã không trí không ngu, các thứ đây lẽ nào chẳng phải đều là tướng Thông giáo lục độ ư? Thứ tư nói: Năng thông đạt tất cả pháp không còn cái gì để xả, gọi là Đản; thông đạt tất cả pháp không còn lậu thối, gọi là Thi, thông đạt tất cả pháp không còn thương tổn, gọi là Nhãn, thông đạt tất cả pháp bình đẳng, gọi là Thiền, thông đạt tất cả pháp không có tướng sinh khởi, gọi là Tuệ, lẽ nào chẳng phải tướng lục độ theo Biệt Viên ư? Hoa Nghiêm nói đầy đủ như trong Chỉ

Quán quyển bảy dẫn.

Lại như Địa Trì lục độ đều có chín, đây đều là tướng nhờ hào quang mà được lợi ích, do Phật đạo danh thông bi thiên không hạn cuộc. Sơ địa, Sơ trụ và thông Thất địa đều đặc nhập, cho nên làm thông giải thích. Bốn tướng đã phân, năm thời có thể biện rõ cho nên không mượn các luận rườm rà khác. “Chưa từng có ngủ nghỉ”: đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói, nhưng kia là phương tiện trong đây chánh tu, cũng là thông bốn giáo. Nếu trong Tiểu thừa thì như Na-luật, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. Trong đây ở Đại thừa để cầu Phật đạo cho nên dẫn “Bát-chu” lấy làm hành nghi. Bát-chu dịch là Phật vị, đây nêu ra để trừ bỏ “thụy cái”, là đúng nhất bởi vì chín mươi ngày thường hành. Căn cứ theo bộ lại thông, vì thông các giáo. Không thiếu sót cho đến cứu cánh, chỉ mười giới đây danh rút ra từ Đại luận, cũng là thông các giáo, đầy đủ như trong Chỉ Quán và Huyền Văn. Nay “mười giới” trước sau đều là Bồ-tát, cho nên đều “cầu Phật đạo”. “Sinh nhẫn, Pháp nhẫn”: hợp hai nhẫn trước làm Sinh nhẫn, Đệ nhất nghĩa làm Pháp nhẫn. Nửa hàng đầu là người năng nhẫn, nửa hàng tiếp là cảnh sở nhẫn, nửa hàng dưới là dùng ý nhẫn. Ý tức kiêm Sinh pháp, cho nên biết Sinh nhẫn danh thông nghĩa biệt. Trong Tam tạng thì sinh diệt sự nhẫn làm Sinh nhẫn. Trong Diễn môn, thì Sinh nhẫn Pháp nhẫn vĩnh viễn khác Tam tạng. “Lực”: A-hàm nói: Lực có sáu thứ: Trẻ con khóc là lực, người nữ sên là lực. Quốc vương kiêu ngạo là lực, La-hán tiến là lực, chư Phật bi là lực, Tỳ-kheo nhẫn là lực.

“Lià các sự...”: Là lià ngũ cái, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói... Một hàng rười đầu, tụng nêu đối tượng lià. Tiếp nửa hàng, nêu ý lià. Do các giáo thiên đều lià ngũ cái, ý tại Phật đạo. Như trong Kinh Bảo Tích, Ca-diếp nói: Có bốn pháp nhanh chóng chạy xả ly ngoài một trăm do tuần: 1. Lợi dưỡng; 2. Ác hữu; 3. Ác chúng; 4. Đồng trú mà có nhiều sự hý tiểu, hoặc là sân, đấu tranh. Lại nói: Nếu có đánh đập đại thiên thế giới chúng sinh, hoặc có ác tâm nào hại người phát Bồ-đề tâm, thì tội lỗi vô cùng. “Quyển thuộc ngu si...”: Đầy đủ như Bát-chu, phải lià người si, làng xóm... Hưởng về trước cũng có phương tiện chánh tu là Biệt “Tứ sự”: ba hàng trước chánh là nêu bốn việc, hàng đầu hai việc là ẩm thực thuốc thang, hàng tiếp y phục, hàng tiếp ngọa cụ phòng xá. Trong các giáo, hoặc lại kiêu lương (cầu) nghĩa (tĩnh) giếng vườn rừng ao tắm. Nay không có kiêu (cầu)... Đồ ăn uống ngon, không biết sự thế nào là tốt lành? Thiệp Pháp sư đều coi thức ăn lẫn lộn (hào) là thịt, dù có một phần của chữ “hào” là chữ “nhục” nghĩa chung là thịt, cần gì đặt

các thứ còn lại chuyên dùng thịt, khiến cho người đời sau ít hiểu biết sẽ nghi ngờ. Nên nói thức ăn chẳng phải ngũ cốc, gọi là “hào”, tức là thức ăn để ăn với cơm. Sách Thuyết Văn nói “thiện” là bữa ăn ngon : đầy đủ thức ăn. Chỉ nói từ thịt mà bàn về ăn, sao lại gọi là “ăn thịt”? Hoặc nói: Thịt ấy trước chưa chế (ngăn cấm). Nói thế là lầm. Đại thừa đón chế tất cả đều đoạn thịt, tại sao luận Lăng-già trước sau chế? Huống chi đều là trong hào quang thấy đâu phải một vạn tám ngàn cõi đều đồng chưa thiết lập chế đoạn thịt, cũng như đem thịt cúng dường Phật và tăng ư! Nói “y phục...”: Như cõi này ca-sa của Ca-diếp giá mười vạn lượng vàng, trong ánh sáng thấy hoặc đương có đây.

Tiếp, “giải thích Bát-nhã” trong hàng thứ ba nói. “Ngôn ngữ đạo đoạn”: là Tâm không chấp trước thì ắt lìa ngôn thuyết. “Ngôn ngữ đạo đoạn” là dứt hết cái “bất khả thuyết mà thuyết” của hàng thứ nhất. “Tâm hành xứ diệt”: là diệt hết cái “bất khả quán mà quán” của hàng thứ hai. Tuy cả hai sạch hết, mà nói mà chiếu, cho nên nói “thuyết bất khả thuyết, quán bất khả quán”. Ngữ này lại thông trong các giáo Diển (Đại thừa) không chỉ hạn cuộc ở đây. Để hiểu rõ ba hàng này vẫn có năm điều giải thích: 1. Hiểu trực tiếp kinh văn. 2. Giải thích ba hàng toàn tại Phương-đẳng, mà nói sáu tức là năm tùy Bát-nhã. 3. Giải thích ba hàng toàn đồng Bát-nhã, “luận đàm đầy đủ...” là ý hàng đầu, “tịch diệt...” là ý hàng thứ hai, “thanh tịnh...” là ý hàng thứ ba. Do danh thuận tiện, đồng gọi là “Bát-nhã”. 4. Giải thích dùng ba hàng đủ đối ba vị. 5. Lại đồng Bát-nhã.

Hỏi: Nếu vậy thì điều thứ năm đây giải thích cùng điều thứ ba có gì sai khác?

Đáp: Điều thứ ba thì trực tiếp dùng “bất thuyết mà thuyết...” cùng Bát-nhã tương đồng, cho nên lại đối. Trong đây nhân trong điều giải thích thứ tư, lấy hàng thứ ba. Đối với Pháp Hoa, tức là do hai chữ “Diệu Tuệ” vẫn nói “thấy người, không thấy tòa”, cho nên trở lại đem hai hàng là đầu và sau quy tụ về một hàng giữa, không quán mà quán chính là đồng Bát-nhã, tức không thấy tòa Pháp Hoa đồng. Đồng là không thấy, cho nên chưa hiểu Pháp Hoa, đều nói hoặc là ý tại nơi đây.

Hỏi: Trước phân văn riêng tại Phương-đẳng, nay giải thích đầy đủ đối ba vị ư?

Đáp: 1. Phương-đẳng đầy đủ bốn giáo, nhiếp pháp nhiều. 2. Chỉ chưa thấy tòa Pháp Hoa cho nên ở trước Pháp Hoa, từ dung chứa mà nói kiêm Bát-nhã. Nhưng lại các giáo lục độ sai biệt, là đều do Bát-nhã, cho nên luận đủ. Do đó hoặc “nói” hoặc “quán” cho đến “ngôn ngữ đạo

đoạn” có trong các giáo cho nên cần phải luận đủ v.v...

Hướng chỗ thấy khó lường cho nên nêu rõ đến năm phen, thấu nạp dù rộng cũng không ra ngoài các điều này. “Hai ý từ người”, là trong điều thứ tư thứ năm, chính chỉ hàng thứ ba. Trong câu “Kệ tụng đã rộng hiển nghĩa hiếm thấy vân vân”, thì “vân vân” là: Như trước lược trình bày, văn trên chỉ nói “chủng chủng nhân duyên tín giải tướng mạo”, mà chưa phân ba vị, bốn giáo riêng biệt. Người giải thích, thì ai biết ba hàng bao hàm hai vị? Lại, các kinh luận thì sáu cùng mười ly hợp không đồng Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Lại, kinh Anh Lạc nói thập độ mỗi độ đều đủ ba, nghĩa thông các ý, cho nên quyển dưới nói: Thí có ba: Tài, pháp, vô úy thí. Thi có ba: Tự tánh, thọ pháp, lợi sinh. Nhẫn có ba: Khổ hạnh, ngoại ác, Đệ nhất nghĩa. Tiến có ba: Khởi tâm Đại thế, phương tiện tiến tới, khuyến hóa chúng sinh. Thiển định có ba: Loạn tướng bất khởi, sinh các công đức, lợi ích chúng sinh. Tuệ có ba: Chiếu hữu, chiếu vô, chiếu trung. Nguyên có ba: Tự hành, thần thông, ngoại hóa. Phương tiện có ba: Tiến hưởng đến quả, khéo hội nhập hữu vô, bất xả bất thọ. Lực có ba: Báo đắc, tu đắc, biến hóa. Trí có ba: Vô tướng trí, nhất thiết chủng trí, biến hóa trí.

“Cúng dường xá-lợi Phật”, lược như trường hàng. Tân dịch Tốt- đở-ba, đây gọi là Cao hiển. Phương phần: Nghĩa lập là chỗ an trí thân cốt. Thấy có tướng diệt độ thì biết Đức Phật đã Niết-bàn, tuy thấy nhập Niết-bàn, không biết sở thuyết trước đây, mà chúng bấy giờ không quyết chắc, chưa lường được nguyên do thấy, cho nên không đồng xưa sợ ngại thọ lượng. Lại nữa, như trước đã thấy hai vị Tô, lý Đại Tiểu đầy đủ nên không nói lập lại, do đó nên hoài nghi. “Chư thiên, long, thần...”: Tháp cất giữ thân giới, cho nên người cúng được phước rất lớn, không giống điện đường là nơi để hình mạo. Cho nên kinh Trường A-hàm nói: Lúc đức Phật sắp Niết-bàn có Phạm ma Tỳ-kheo... đứng trước Phật cầm quạt quạt. Phật dạy: Các vị lui đi chớ đứng trước ta. A-nan suy nghĩ: Các Tỳ-kheo này thường hầu hạ cung cấp các thứ cần dùng cho đức Phật không nhàn chán, nay cuối đời cần phải có họ cung cấp, sai khiến sao lại bảo lui ra do nhân duyên gì? Phật biết ý bảo A-nan: Nay trong thành Câu-thi-la mười hai do tuần có thiên thần Trắc Tắc cơ hiem Tỳ-kheo này đang đứng trước Phật rằng : “Nay cuối đời Đức Phật, chư thiên thần... đều muốn cúng dường, mà do Tỳ-kheo này có đại uy đức hào quang sáng chiếu khiến ta không đến gần gửi kính lễ được”. Do đó nên Phật dạy lui ra. A-nan bạch Phật: Do nhân duyên gì mà có thân hào quang ấy? Phật dạy: Vào thời đức Phật Tỳ Bà Thi, vị ấy đem tâm hoan

hỷ cầm bó đuốc sáng chiếu vào tháp đức Phật kia, khiến nay được thân thể sáng chói như vậy. Trên đến tầng trời thứ hai mươi tám, thân sáng không sánh bằng. Lửa chiếu đã vậy, các thứ khác thì căn cứ đây có thể biết. Cho nên, biết: Xá lợi ở nơi đâu thì công nơi ấy không nhẹ, khinh mạn sinh tội, tội chẳng gì lớn bằng. Như đây theo lệ kinh văn rất nhiều đâu có thể nêu hết, và chẳng phải ý chánh.

Kinh nói: “Thiên thọ vương” tức cây Ba-lợi-chất-đa-la ở Đạo-lợi thiên, đầy đủ như Thích Tiêm dẫn văn Đại kinh. Kết ý văn: Chính là cúng Xá lợi, phụ là trang nghiêm các cõi nước. Nếu chỉ trang nghiêm cõi nước thì đâu cần xây tháp! “Bạch hào là gốc”: Đây là căn cứ đạo lý, bạch hào tiêu biểu trung đạo nguồn gốc của các pháp, không hẳn ban đầu, và do hào quang mà thấy cho nên coi đó là gốc. Như điềm lành ở các cõi khác, thấy lục thú đứng đầu, lẽ nào đó là gốc điềm lành, do đó các cõi khác coi Phật là gốc. Nếu luận tổng biệt vẫn đồng nhân hào quang. Nói “Phật là gốc”: Hạ phạm y Phật, người và pháp của Phật do Đức Phật từ đầu đến cuối, đầu ắt trở về cuối.

Hỏi: Các cõi khác sáu điềm lành lẽ nào có thể do ánh sáng? Cõi này chỉ nói Phật phóng một luồng hào quang, thấy cõi nước đây đâu từng liên quan đến năm điềm ư?

Đáp: Do hào quang mà thấy tất cả đều diệu, phải biết hào quang là gốc của sự thù diệu, hướng chi các điềm lành đều lấy trung đạo làm gốc, hào quang tức trung đạo. Các cõi khác sáu điềm lành đều ở trong do hào quang cũng vậy. Hàng tiếp: hai câu đầu tán thán gốc của hào quang, trong đó một câu đầu và hai chữ “trí tuệ” nêu gốc của hào quang, gốc (bản) tức “thần lực trí tuệ”. Nói “chư Phật”: Là nêu nhiều để hiển bày một, chính là chỉ đức Thích-ca. Tiếp hai chữ “hi hữu” là chánh tán thán, trước đó không như vậy cho nên nói “hi hữu”. Do hai việc nên hào quang mới “tịnh”. Hai câu dưới tán thán thể dụng của hào quang, câu đầu tán thán thể của hào quang, câu tiếp tán thán dụng, chiếu soi cõi nước. Quá một vạn tám ngàn cõi mới gọi là “vô lượng”, cho nên trước lập số. Lại, từ đó tiêu biểu so sánh chiếu các phương cũng lại như vậy, cho nên nói “vô lượng”. Trong hàng thứ ba thì hai câu đầu là lập lại nêu sở chiếu mà tán thán quá thường, tiếp hai câu nêu thấy xứng hiệu, dùng thỉnh đáp. Nói “thấy việc này”: là thấy điềm lành của hai cõi, cùng một mà giáo hóa khác cho nên nói “chưa từng”. Đã sai khác, phạm đua nịnh thì “chưa từng” không hư dối. “Xin các Phật tử...”: nghi việc không phải nhẹ, cho nên lập lại khái thỉnh, chẳng chuyên vì mình cho nên nói “chúng”.

Nói “cấu nạn”: “Cấu” là đặt điều, là nhiều, là đến bốn lần cho nên nói lữ (nhiều)... Di-lặc mỗi mỗi thiết lập câu hỏi, Văn-thù đều đặt điều kháng cự. Đây có ba ý: 1. Việc lớn ý xa. 2. Dẫn hai chúng Phát khởi và Ảnh hưởng ủng hộ. 3. Dẫn hai chúng Đương cơ và Kết duyên ủng hộ. Tuy đầu và thứ hai mà chung thành thứ ba, cho nên ba ý Di-lặc đều dựa vào cơ duyên. Vì vậy nói: Sợ chướng ngại nghe pháp căn cơ ở nhân giả và do toàn chúng, cho nên dựa vào chúng mà lật lại ba ý kia. Thỉnh ắt đáp, lần lửa cũng là bền bỉ. Bộ Quảng Nhã nói: Cương Viên. “Hủy”: Tê giác: Tợ như trâu, chỉ một sừng, tợ trâu mà chẳng phải trâu nên nói “nghi hủy”. Nay trong lòng lo lắng không quyết định, cho nên gọi là “ưu hủy”. Chữ “hạp” có âm đọc là phiên thiết của hai chữ “hồ” và “lạp”, có nghĩa là “bế” (đóng). Hán Thư nói: Hạp chúng không thiếu một người, “hạp” là “tận” (toàn). Nên biết nay trong hội toàn chúng đều nghi. Trong phản đối đầu tiên, nói “Chúng chưa từng nghi”, là lại y cứ không phát ra lời để chất vấn Di-lặc. Tiếp, đợi Đức Phật từ định ra, tức là nếu Đức Phật ra khỏi định thì nghi kia tự giải quyết. Nói “thời đáp”, là lời thúc giục khiến cho kia liền đáp. Lưu sư có đệ tử hành sâu, từ chi đạo mại sơn, chia đáp vấn làm bốn: 1. Khai chương. 2. Sinh khởi. 3. “Tư duy...”: nguyên do. 4. Rộng giải thích. Trong phần sinh khởi, nói “võng tượng” cũng có thể nói phỏng tượng (hình giống như) chưa xét kỹ trạng mạo. Hai chữ “phảng phất”, xưa gọi là “phỏng Phật”, trên mở qua lại, vật phượng dưới phản lại, trên tương tự, dưới không xét kỹ. Nếu căn cứ nghĩa đây thì chữ “thượng” (trên) chánh sẽ tư duy đáp, tư duy đáp điềm lành cõi này cõi trên, là ý nói năm câu. Đã đối sáu điềm lành tức là dùng năm tư duy lược sáu điềm lành đây. Đã từng nói “phóng hào quang rồi thì thuyết đại pháp”, các cõi khác sáu điềm lành lấy hào quang làm tổng, nhân hào quang mà trước thấy Thánh chúa diễn thuyết cho nên biết là đáp câu hỏi các cõi khác. Từng thuật đầy đủ chứng minh sáu điềm lành Phật Đăng Minh và hào quang chiếu. Như nay đã thấy, cho đến xuất định nói kinh, tức là trả lời cả hai câu hỏi về hai cõi. Cả hai câu hỏi ý hỏi sau định, cho nên nói đáp cả hai.

“Duy thốn (tư duy)...”: đương nhân duyên giải thích. “Nhưng Văn-thù...” là giải thích theo Bản tích. Căn cứ chưa rộng thuật, giống đồng như chưa biết. Đã nói “xưa nay”, “xưa” tức rộng, chỉ vì từng chưa rõ. Nói “trước chỉ bày tư duy”, cho nên trước năm câu thì đáp Tựa sáu nghi, trong phần phá xưa trước trình bày tiếp. “Nay nêu rõ...” là phá. Trước là phá chấp, nói: “pháp thuyết kia không dùng” tức vẫn còn thí dụ; “không dùng pháp” bởi vì Bản môn thì rất sớm.

Hỏi: Đến đây còn phá “thái tảo (rất sớm)”, thì làm sao giải thích Thông tựa theo Bản tích ư?

Đáp: Thông tựa thì thông Bản Tích, Biệt tựa chỉ tại Tích môn, cho nên giải thích Thông tựa. Rộng dụng Bản môn chẳng phải là rộng khai Thọ lượng trong Thông tựa, cho đến Biệt tựa tuy có nói Bản tích, hoặc thời lại dùng thể dụng Bản tích.

Hỏi: Nếu như vậy, thì: Thí vốn là thuyết pháp bằng cách nêu Thí dụ, mà đã không dùng Pháp, sao lại dùng Thí?

Đáp: Chỉ duyên Quang Trạch thì Pháp và Thí tách rời nhau. Pháp thì Bản Tích đều luận đàm. Thí chỉ Tích môn hiển thuật. Bỏ Pháp còn Thí bởi có nguyên do. Hoặc nếu hoàn toàn chọn thì vẫn cần trách rằng: Thí vốn là thuyết pháp bằng cách nêu Thí dụ, vì sao ba thí chỉ có một thí được thọ ký? Cải đổi Tiểu thừa và phá lậu hoặc, hai pháp, mới dùng Bản tích song luận, dùng Thí trừ Pháp bởi do đây vậy.

Nhưng luận có tám câu: 1. Muốn nói đại pháp. 2. Muốn mưa đại pháp vũ. 3. Muốn đánh trống đại pháp. 4. Muốn dựng cờ đại pháp tràng.

5. Muốn đốt đuốc đại pháp. 6. Muốn thổi đại pháp loa. 7. Muốn không đoạn trống đại pháp. 8. Muốn diễn đại pháp nghĩa. Nay chỉ y năm câu, dùng câu đầu làm tổng, bốn câu dưới làm biệt.

Các nơi khác dùng tám câu bốn đối giải thích mà nói: 1. Phá ác tiến thiện đối. 2. Khai quyền hiển thật đối. 3. Đắc trí chứng chân đối.

4. Thuyết pháp lợi sinh đối. Vẫn nói dùng để giải thích nguyên do thì chỉ có năm câu thành hai đối rưỡi: Có phá ác sinh thiện thuyết pháp lợi sinh, khai quyền một câu, các câu còn lại thì thiếu, vẫn không có thứ lớp, người đọc nên biết. Nay nói luận văn tám câu để giải thích năm câu kinh thì biết: “không đoạn trống, đốt đuốc dựng cờ” là giải thích “trống pháp”. “Không đoạn” là nêu thể tướng của cổ (trống), “dựng cờ” là trống pháp tiêu biểu cờ, “đốt đuốc” là trống pháp phá sự tối tăm, dùng dụ giải thích dụ đạo lý. Như vậy, dựa vào năm câu để giải thích tổng biệt, thì Thông tựa đứng đầu bằng thuận theo, biệt do nhờ sai khác không liên quan đến viễn bản. Văn-thù đáp Tích mà vẫn tự tư duy kỹ lược rộng rồi mới quyết định chính là đáp ý chỉ câu hỏi, sao được thuận theo như vậy để chỉ bày viễn bản? Nếu giải thích năm câu là để hiển Bản, thì “lược tăng, quảng tăng” đều phải biết viễn. Trong hào quang ngang thấy nên phát cận tích, trong hào quang ngang thấy còn ẩn đương đồng. Chỉ dùng xây tháp để mật tiêu biểu nhập thật, đâu được đối đây liền thấy viễn thành và cho là tháp vọt hiện đều là phân thân ư! Tư duy vì chưa liên quan đến viễn Bản, cho nên lược rộng chỉ luận bàn về cận

Tích. “Giải thích sau đã hư đối...” : tức giải thích hiển viễn đã đối, giải thích khai ba cũng lầm, khai ba chỉ nên như nay tổng biệt, không cần để đối hai văn rộng lược. Nếu không như vậy thì uổng xứng quyền thật. Trong Chánh giải thích chia làm ba : 1. Thuật thẳng đại ý. 2. Chánh giải thích. 3. “Ngang dọc...” là kết ý.

Trong Chánh giải thích: Trước, là giải thích, tiếp, là kết tư duy. Văn trước lại có hai: Trước đối năm điềm lành, tiếp biệt giải thích. Đại thánh suy lường không thể không từng trải lo lắng. Đây ban đầu tư duy chính là làm nền tảng cho lược rộng hai đáp, cho nên Di-lặc tư duy điềm lành để thiết lập nghi, Văn-thù dựa vào nghi để cân nhắc việc này cho nên nội tư duy sáu điềm lành chánh hiện ở trước đức Phật xưa, suy lường Phật nay hiện sáu điềm lành và ba chu về sau, cho nên lược rộng thời phương hiển nội tư duy. Đây là cốt tủy của một kinh. Trong phần đầu có ba: 1. Đối năm điềm lành. 2. “Muốn nói...”: mỗi mỗi giải thích đều khiến tiêu biểu chánh. 3. “Như vậy...”: kết chỉ bày hữu vô. Chỉ vì giải thích dùng điềm lành tiêu biểu việc “sẽ” xảy ra, cho nên luận tám câu đều nói “muốn”. Câu đầu đáp “điềm lành thuyết pháp”, là nêu xưa nói kinh Vô Lượng Nghĩa, tiêu biểu muốn Tích môn nhập Thật. Hai thời Vô Lượng Nghĩa nghĩa đã không sai khác, thì nghiệm biết ngày nay sau khi (Phật) xuất sinh thu nhập tại sao nghi? Đại pháp lẽ nào vượt qua đây? Câu tiếp, đáp “điềm lành mưa hoa”: Tư duy xưa mưa hoa là tiêu biểu sẽ nói Viên nhân bốn vị, cho nên bốn hoa mà không phải quả. Tư duy nay hoa trời mà có bốn mưa rõ ràng thời hội một nhân, một nhân ấy có bốn vị làm thêm thang. Bốn loại mưa hoa dùng nghĩa “thiên (trời)” làm năng biểu. Câu thứ ba đáp “điềm lành chúng hoan hỷ”: Tư duy nay đồng xưa chúng thấy điềm lành vui mừng, ngâm tiêu biểu ất hành, hành dựa vào lý giáo, cho nên tâm vui mừng trong động Viên, chướng ngâm hoại. Cải đổi quyền nhân xưa thành chúng vi diệu nay, nhân (người) ất thọ lãnh giáo, hành, lý đều như vậy. Câu thứ tư đáp “điềm lành động đất”: Tư duy nay đồng xưa thấy động đất là tiêu biểu sẽ sáu phen phá vô minh cho nên khắp thế giới Phật chấn động sáu cách. Động tuy hình tiếng hai thứ sai biệt, lại dùng “đại cổ” tư duy, cho nên biết răn dạy binh lính quyết phá giặc lớn ở biên cương. Đất động thì trừ bỏ vô minh của lý Trung đạo, cho nên Nhị thừa xưa nay đều không có lý này. Lợi sâu xa trong Tựa mà thời chúng chưa biết. Câu thứ năm đáp “điềm lành phóng quang”: Tư duy nay đồng xưa, thấy phóng quang là tiêu biểu khai hiển đạo đồng, cho nên dùng một luồng hào quang chiếu đều khắp kia đây. Đây tiêu biểu Thích-ca, kia tiêu biểu bốn đức Phật, cho nên biết Tích

môn không được đồng Bản.

Hỏi: “Đại pháp và Pháp nghĩa”, hai câu có gì sai khác?

Đáp: “Đại pháp” tiêu biểu cõi này khai hiển, “Pháp nghĩa” tiêu biểu kia đây đạo đồng. Đây chiếu nơi kia, kia đồng với đây, cho nên nói “diễn”, và một đời không tin đáp vấn có tồn tại.

Trong câu “Ý thì lại bao gồm đầy đủ, chẳng phiến nghi ngờ”, thì “bao gồm đầy đủ”: là nghiệm biết bốn điểm lành tại định, định thì không thể không có. “Thiếu một điều này, cho nên gọi là lược đáp” : Lược là rất tóm lược, một phen lược tợ như lược ở phần tư duy, nghĩa thì không như vậy. Bởi vì trong phần “lược tăng” đã có lời của Phật quá khứ, chỉ là đối với rộng thì gọi là “lược”, chẳng đối với tư duy. Vì vậy cho nên tư duy chỉ suy lường quá khứ, hiện tại, không có nói “từng thấy”, cho nên lại “lược”. Đây lược nói có hai ý kia: 1. Nói lược, là vì không từng thấy, 2. Thiếu là lược, vì thiếu nhập định.

Tiếp trong “Biệt giải thích”, lại có tổng và biệt. Tổng: vì bốn câu dưới đều là đại pháp, cho nên biết bốn câu dưới làm thành câu đầu. Nói Biệt: tức dùng mưa v.v... để phân biệt đại pháp kia, khiến nhập Trụ v.v... Vì đối bốn vị, nên gọi là biệt. Tức dùng ba thí dụ của ngài Quang Trạch, mà theo pháp này cho nên giải thích năm câu đều nương dụ theo pháp. Trước, dùng điểm lành hoa nêu ngang biệt để hiển bày dọc tổng. Do nghĩa trong câu đầu bao hàm bốn vị, cho nên tiếp là dùng mưa... để lia tổng trước mà xuất bốn câu. Căn cứ bốn câu dưới này, đương vị tự đầy đủ từ đầu đến cuối, trong văn lại theo đối dọc để thuyết, cho nên dùng mưa hoa để tiêu biểu bốn vị. Như “thối pháp loa”, Thông thì tiêu biểu cải đối bốn vị, mà Biệt thì tại Thập hạnh. “Đánh trống pháp”, Thông thì tiêu biểu bốn phen phá lậu hoặc, mà Biệt thì tại Thập hướng. Diễn thuyết đã thông nói ngang rộng dọc sâu. Dọc sâu tức như mỗi một vị dọc nhập, biến thông các vị, mà biệt tại Thập địa. Cho nên bắt đầu từ “mưa đại pháp vũ” cho đến “pháp nghĩa”, nhất nhất khắp Tích môn rộng nói. Chỉ vì đối với chúng sinh đặc ích không đồng, phải từ dọc giải thích, buộc ngang theo dọc. Cho nên nhập Trụ thì tạm gọi là “pháp vũ”, cho đến nhập Địa thì tạm gọi là “pháp nghĩa”. Vì vậy cho nên Tích môn gọi chung là “mưa đại pháp vũ” cho đến “pháp nghĩa”. Nên dưới rộng giải thích mỗi một câu đều nói “vì muốn cho chúng sinh”. Sở nhập lại có siêu vượt thứ lớp không đồng, nay tạm theo thứ lớp đều nói “nay cùng xưa đồng”. Như ban đầu nêu “mưa đại pháp vũ” chỉ tiêu biểu “nhập Trụ” tức không nói “xưa nay”. Từ Tín nhập Trụ nơi nào luận sửa đổi? Chẳng những không sửa đổi Tín mà còn chẳng đổi địa vị chân thật,

không được cải đổi danh, cho nên ban đầu nhập Trụ không cần nói cải đổi. Vì thế, biết Nhị thừa độn căn, Bồ-tát xưa trước Pháp Hoa chưa phá vô minh, nay ban đầu nhập Trụ chỉ được gọi là “Khai”, cho nên “lược khai”. Lợi căn lợi ích sâu tại câu thứ hai, cho nên câu thứ hai chấp nhận có thời xưa lợi, độn Bồ-tát và người Nhị thừa. Trước mật nhập Trụ và nay tại kinh này bắt đầu nhập Trụ, đều tiến nhập Hạnh, đều gọi là cải đổi hiệu. Hoặc hiển hoặc mật, đến nay không đồng. Câu thứ ba và câu thứ tư đều chuẩn theo câu thứ hai, cho nên biết cải danh cũng thông ở sau. “Dạy bảo binh lính” cũng như vậy. Chứng vị tuy như vậy, cũng có xưa nay, nghe kinh có lợi ích mỏng nhập phẩm nhập tín. Lược thì như trước nêu hai chúng Đương cơ và Kết duyên, đầy đủ thì như trong Huyền Văn nói lợi ích diệu thuyết. Cho nên, biết như vậy trước cũng có nghĩa Thông Khai... bốn danh. “Ngang rộng dọc sâu”, là ba câu trước chẳng phải không sâu rộng, nay đến Địa vị tối đặc danh kia.

Tiếp, “Suy nghĩ xưa...” : là tổng kết. “Ngang dọc giải thích suy nghĩ xong”: Nếu tổng biệt đối nhau, thì lấy tổng làm ngang, lấy biệt làm dọc. Nếu biệt thích, thì câu đầu song hiển ngang dọc hai giải thích, ba câu dưới vẫn chính là nêu dọc, vị vị kiêm ngang. Thiệp Pháp sư nói: Luận giải thích văn đây lược không có công dụng nương tựa, khó có thể nương đủ, cho nên văn nay cũng không hoàn toàn sử dụng.

“Thiện nam tử”: Thiệp Pháp Sư nói: Lìa năm hạng người bất nam, trong Pháp Hoa chúng chỉ lìa bất nam, vừa mới kham thọ Thanh văn vô tác trong một duyên có ít phần mà thôi! Nay nói danh này Đại tiểu thông chung. Đến nay nên nói khai bảy phương tiện làm thiện, kham nghe đọc diệu gọi là “nam”. “Nam tử” tức là trượng phu, đầy đủ như trong Đại kinh. Đại kinh vẫn bao hàm Phật tánh của Tam giáo, đầy đủ như Huyền Văn dẫn nói: Người Tu-đà-hoàn Phật tánh như (nhũ) sữa tịnh... lẽ nào trong Tiểu giáo có Phật tánh? Cho nên biết Đại kinh, sau Pháp Hoa, khai phương tiện giáo, khắp lập danh Phật tánh. Danh thông mà nghĩa biệt, nên “nam tử” thì danh thông tại năm thời, nghĩa thì biệt tại các giáo.

Tiếp, giải thích “lược tăng” đầu tiên nói “tiểu phân minh”: lại tạm theo ngôn thuyết thứ lớp dần mà nói, ý thì không như vậy. Lúc trước nói “duy thốn” (suy xét), lại tư duy rộng lược, cho nên biết “lược tăng” lại thuật tư duy. Trong đáp chỉ lược nêu điềm lành hào quang, hào quang chiếu phương khác nghĩa đương nhiên là nơi các cõi khác. Nói chung, thì đều đáp cõi này, hướng chỉ vẫn nói các cõi khác vẫn vốn làm thành đây, cho nên biết “suy nghĩ” thì là đây, “lược tăng” thì là kia. Sở dĩ

“phân kia đây” là vì trong “suy nghĩ” có nói Đức Phật nay, trong “lược tăng” có nói Đức Phật quá khứ. Dùng nay tiêu biểu đây, dùng quá khứ tiêu biểu kia. Nếu như vậy, “quảng tăng” cũng có nói quá khứ, thì vì sao song biểu? Trong đáp rộng thuật đầy đủ ba thứ đồng, có thể dùng ba thứ đồng để hiển bày đây. Lại, có nói quá khứ, và dùng quá khứ tiêu biểu nơi khác. Nếu như vậy, trong phân biệt đáp không nói quá khứ, thì vì sao song phê phán? Đáp: Nay thấy điềm lành này cùng bản không khác, bản tiêu biểu quá khứ. Ngày nay Như Lai tức hiển đây, song thuật quá khứ hiện tại cho nên tiêu biểu cả hai phân biệt. Nói “tăng kiến” (từng thấy), tức là thấy rộng, chỉ là trong cách nói trình bày thứ lớp lược rộng tăng dần, làm cách đáp, nghi thức khách chủ đó thôi. “Muốn khiến...” nói muốn khiến là luận đàm ý giáo. “Văn” tức Văn tuệ, “Tri” tức Tư tuệ. Tức khai hiển Văn Tư, cho nên nói “khó tin”. Đã có hai tuệ, ắt nhập Tu tuệ, lẽ nào Phật nói pháp khiến chỉ riêng có hai. Chỉ dùng “Tri” để giải thích “Tu” chưa thể hoàn toàn đúng, cho nên chỉ nói “Tư”. “Cũng là Tín, Pháp”: Tức viên hai hạnh. “Văn” tức Tín, Hành, như phẩm Tùy Hỷ Pháp Sư... “Tri” tức Pháp hành như phẩm An Lạc Hạnh... Lẽ nào hai hạnh hoàn toàn không có Tu tuệ, như tam chu thọ ký và công đức bản môn... đều một phen phân biệt; cho đến nói: “Nếu nghe kinh này tư duy tu tập...” Cho nên, trong kinh văn theo lệ đó không ít, vì một bộ văn hệ luận về nhập pháp thì không ra ngoài hai hạnh. Hai tuệ hai hạnh đắc nhập các vị, cho nên nói “muốn khiến” là ý thông từ đầu đến sau. Nói “Thâu vô lượng để quy về một”: Chỉ nói ý đại pháp, nghĩa đương là tổng. Tiếp, nói “Cải đổi tam thừa”: là chỉ pháp Thập hạnh; Tiếp, nói “Sáu phen” chỉ đánh trống, là Thập hướng. Tiếp, nói “chư Phật...” chỉ diễn nghĩa Thập địa. Tiếp, nói “Khai...”: là chỉ lui lại pháp vũ Thập trụ. Cho nên, biết “lược tăng” trở lại thuật suy nghĩ kỹ, điềm lành tiêu biểu sở vi, cho nên nói “muốn khiến”. “Nhất thiết thế gian...”: Nếu không thông chỉ các vị đều khai Phật tri kiến thì lẽ nào được nói “nhất thiết...” ư? Như văn dưới nói: Tất cả thế gian nhiều oán “khó tin”. “Khó tin” nghĩa thù thắng hơn bốn mươi năm mới tin hiểu.

Tiếp “quảng tăng”: lại rộng nêu hai thứ trên. Nói “ngang dọc”: cõi này cõi kia đối nhau gọi là “ngang”; nay và xưa đối nhau, gọi là “dọc”. “Thông hiệu”: Ứng thân đều đầy đủ mười hiệu cho nên gọi là “thông”, Pháp thân đối Ứng thân mà được nghĩa lập. “Nay thân ta đây” tức là Pháp thân. Cho nên biết Ứng hiệu tức Pháp hiệu, nhưng giải thích Pháp hiệu cần phải từ pháp lập, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai

nói. Lại, trong các kinh có khi liệt kê chung cả ba hiệu, tức ba hiệu đầu trong mười hiệu. Cho nên Tịnh Danh nói: “Nếu ta phân biệt nghĩa ba câu đây thì cùng tận kiếp cũng không hết”. Căn cứ ba đối với bảy, cũng là ứng có thể biết, hiệu Ứng thân vô tận hướng chi Pháp thân ư! Biệt hiệu thì bất định, như Kinh Lăng Già: Phật bảo Đại Tuệ: “Ta ở trong cõi Sa-bà này có ba Tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu”. Cũng như trong kinh Hoa Nghiêm, Phật bảo: “Đức Như Lai ở trong tứ châu thiên hạ này có mười ngàn danh hiệu. Ở mỗi một thế giới trong mười phương thế giới, Đức Như Lai đều có mười ngàn danh hiệu. Cho đến mỗi thế giới trong mười phương tận pháp giới hư không giới, Đức Như Lai có rất nhiều danh hiệu không đồng”. Đức Phật đây đã vậy, chư Phật cũng đều như vậy. Phật hiệu đã vậy Phật thân, thuyết pháp cũng lại như vậy. Công đức của mười hiệu như Hương-khẩu Tỳ-kheo trong kinh A-Dục-Vương nói v.v... Nếu vậy, một đức Phật đây mà danh hiệu còn chẳng đồng, thì vì sao nói danh Phật đây đồng với Phật khác? Lại giải thích biệt danh, dùng định tuệ tự tha để giải thích. Đức Phật nào mà không có tự tha định tuệ đây, mà chỉ riêng nói Đức Phật Đấng Minh cùng Đức Thích-ca đồng? Đáp: Ứng Phật đắc danh tùy duyên đều khác biệt, nghĩa kia dù đầy đủ cũng không sánh bằng Đấng Minh như trong kinh Lăng-Nghiêm: “Kiên Ý hỏi thọ lượng, Phật khiến đến Đông phương quá ba vạn hai ngàn cõi Phật, có Đức Phật hiệu Chiếu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương. Kiên Ý đến hỏi xong bạch Phật rồi. A-nan nói: Như con hiểu điều Phật nói, thì đức Phật kia là tên khác của Đức Thích-ca”. Cho nên, nói Chiếu Minh chính là cùng Nhật Nguyệt Đấng Minh nghĩa đồng. Thiệp Pháp sư nói: “Nhật” phá sự tối tăm, “Nguyệt” tạo ánh sáng. Nhật thành nhiệt nóng, Nguyệt mát mẻ. Nhật khai các hoa hợp thành hoa, Nguyệt hợp các hoa khai thành hoa. “Đấng” ở nơi nhà kín năng phá tan sự tối tăm, như trí kia năng phá lậu hoặc. Tuy nhiên, hoàn toàn không hợp dụ, hướng chi cũng không có thấy ba thứ đồng. Vì dựa vào nay hợp mới tại giáo này, mới có thể dựa vào định tuệ tự tha trước, cho nên nói tùy duyên mà danh xưng riêng biệt, nhưng nghĩa thì không sai khác. Tiếp, trong “Thuyết pháp đồng” tức năm thời đồng. Như Hoa Nghiêm phẩm Tứ Đế nói: “Văn-thù bảo các Bồ-tát: Tứ Thánh đế ở cõi Sa-bà đây và mười phương thế giới mỗi mỗi đều có bốn trăm vạn ức mười ngàn danh hiệu”. Kinh Đại Tập cũng vậy. Cho nên, biết các kinh Đại thừa phần nhiều là biện rõ sự sai khác, chỉ có kinh này đặc biệt là hiển đồng. Chẳng những Phật đây cùng Phật khác pháp đồng, mà còn chính mình và người đều nhập một vị. Cho nên văn dưới nói: “Nhân

duyên Thí dụ đều đến Chung trí”, vì vậy các kinh không nêu ra ý khác. “Đại thừa thất thiện (bảy thiện)”: đã nói thông Đại Tiểu thừa trong luận lại dùng ba thứ Văn Tư Tu mà làm ba thời. Thành luận lại dùng “thuyết thiếu niên, trung niên, lão niên” làm ba, không đồng người nay. Người nay thì già được nói là không phải “Thiện”. Lại, cũng dùng tam thừa làm ba, cho nên nói thông. Nay vẫn dùng ba đoạn làm ba, kia nói vẫn thông mà nghĩa kia thì biệt. Thời tiết đã vậy, sáu thứ còn lại chuẩn theo đây có thể biết. Nay kinh nên nói Viên thừa bảy thiện. “Bát âm (tám âm)”: 1. Cực hảo. 2. Nhu nhuyễn. 3. Hòa thích. 4. Tôn tuệ. 5. Bất nữ. 6. Không lầm. 7. Sâu xa. 8. Không hết. Các giáo đều có cái khác nhau tùy theo sở tuyên, cho nên pháp giáo không đồng. Tùy theo sở y khác nhau mà pháp định Phật khác nhau. Từ xưa đến nay, giáo lý không có hai đường. “Giới nội giới ngoại...”: Biệt Viên hai giáo nhiếp hai xứ kia, tổng gọi là “mãn tự” cho nên gọi là “viên mãn”. Trong câu “Sư nói hành thiện phạm hạnh...” thì “Sư” là ngài Nam Nhạc. “Lại, sơ trung hậu thiện...”: là lần nữa lại nêu cách giải thích khác. “Kim Quang Minh”: Như Kim Quang Minh Tối Thắng Vương kinh quyển thứ tư nói: Kinh này hy hữu khó lường.

“Sơ thiện, trung thiện, hậu thiện” nghĩa kia cứu cánh. Tuy không nói rằng lời nói kia thuộc loại xảo diệu, nhưng do các văn khác theo lệ có thể dùng ý biết. Bộ tuy là Phương-đẳng, mà nghĩa thì viên cực cho nên có thể dùng chứng minh đây. “Tiền Tâm” nghĩa là trước Trụ. “Trung tâm”: là đấng Trụ. “Hậu tâm”: tức Diệu giác. Lý giống như chưa hiển, gọi là “Bất tư nghì”. Phần chứng Định Tuệ, gọi là Trang nghiêm. Hoặc (phiền não) rối ráo tận, gọi là “Bất hoại”. Ba điều này, Như Lai để có thuyết thì đều đồng nhất thiện. Sơ tâm còn gọi là Bất khả tư nghì, hướng lại trung hậu sở thuyết đều thiện. Cho nên cũng cùng trong Thuyết pháp đồng là Thời tiết đồng, cho nên chỉ lập ba thời, ngoài ra đều thiện. Có người nói: Câu đầu tổng, sáu câu sau biệt, cho nên lìa bảy làm mười. Vì lìa ba câu đầu, còn lại câu 4. Nghĩa sáu. 5. Ngữ xảo. 6. Vô tạp. 7. Cụ túc. 8. Thanh tịnh. 9. Tiển bạch. 10. Phạm hạnh. Phải phân chia Đại tiểu kia, trong Tiệm không nêu Phương-đẳng Bát-nhã chỉ dùng lục Ba-la-mật để phác thảo, chỉ vì là văn lược. Đã nói đáp: các việc tu hành bên trên lẽ ra đầy đủ như trên. Đốn tiệm đã đồng ngang dọc không sai biệt cho nên biết nhân ánh sáng mà ngang thấy, chẳng những là đầu mỗi sinh nghi để Di-lặc hỏi khác mà còn là điềm báo trước Văn-thù đáp đồng. Lại, chẳng phải chỉ hai bậc Thánh vấn đáp sâu xa phù hợp, mà còn vốn là huyền chỉ Như Lai hóa đạo, cho nên chủ

bạn cùng nhau bí mật thiết lập một đường, khiến thích hợp cơ duyên chúng sinh nghe đều khế hợp.

Hỏi: Trước trong phần hỏi thì dùng Bồ-tát làm Tam tạng Đại thừa, sau Tam tạng mới nói các thứ, tức chỉ hai vị Sinh tô và Thục tô, nay tại sao lại dùng Bồ-tát lục độ để đáp các thứ?

Đáp: Phàm các vấn đáp dù là văn kệ tụng hay trường hàng đều có rộng lược, đây văn đối trên nên chia làm ba ý: 1. Trên rộng nay lược cho nên nay Tiệm ban đầu chỉ nêu Nhị thừa. 2. Trên ly nay hợp, cho nên trên Bồ-tát biệt khai Sinh tô và Thục tô, biệt nêu các giáo. 3. Bên trên nêu đủ chánh phụ, tức thông liệt kê Tam thừa. Nay chỉ luận chánh, lại nói Nhị thừa.

Hỏi: Xét văn thấy xu thế nói khiến đắc Bồ-đề thuộc về câu nói Bồ-tát, vì sao phân lìa ra, đối vị không đồng?

Đáp: Có hai thứ: 1. Nghĩa ý: thiết lập các vị trước gốc là Phật thừa, muốn khiến đắc dùng đối ý gốc. 2. Đáp ý: Hỏi đã đầy đủ ý vượt đến đầu cuối, đáp cũng tùy theo thuật đầu cuối, không thể chỉ theo văn lược khiến thiếu đại chỉ, cho nên tùy xu thế của câu hỏi dựa theo nghĩa mà có ly khai, hướng chỉ vấn đáp đây tùy kiến giải mà biện rõ. Tin rằng chẳng phải hai Thánh hư cấu nói nguyên do, mới có thể gánh vác khéo léo giải thích văn kinh này. Dẫn việc quá khứ vô lượng kiếp xa xưa đồng với việc một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, nghiệm xưa hiểu văn chưa thành đáp vấn.

“Thành Nhất thiết chủng trí”: Trong văn nêu năm Đức Phật đều nói “Vì khiến...” cho đến “Chủng trí”, cho nên biết đồng. Do đó “xuất định” dẫn đồng mà lại đồng với những cái thấy trong hào quang cho nên trong văn nêu năm Đức Phật nói các thứ cũng không ngoài bốn vị. Trong câu “nêu Phật nay hẳn phải cùng với xưa đồng vân vân”, thì “vân vân” là: khiến lại phân biệt ba thứ đồng tương trạng. Phật nay đang tại định, cho nên biết là sẽ thuyết Pháp Hoa bởi vì Phật xưa đã thuyết kinh Pháp Hoa, ba thứ đều đồng xưa. Vì thế cổ Phật sáu điềm lành và do bốn vị trước ấy mà cùng với nay, nay đồng đã đồng, chỉ có thuyết kinh Pháp Hoa gọi là sẽ đồng. Cổ sư không dùng sáu điềm lành mà nói nay đồng, đầy đủ như dưới phá. “Đầu tiên dẫn” cho đến “hỗ tương nêu”: là Văn-thù khéo nói vì tránh nhiều văn rườm rà, cho nên Văn-thù thấy thời đều đầy đủ năm vị. Nói “chỉ trước”: là dùng giữa và sau để chỉ một đức Phật đầu tiên là trước. Hai vạn là tiệm, chỉ tối sơ cho đến sau cùng. Tối hậu là đốn, chỉ hai vạn cùng với đầu tiên. “Mà không dẫn hai vạn trước...”: là lại dẫn đồng, đều là đốn khai tiệm. Quá

khứ đã vậy, nghiệm thì biết cõi khác không quá một vạn tám ngàn, bởi vì ngoài quá đây thì không đồng. Nếu nói vô lượng thì tại sao ngăn ngại chiếu đồng? Nếu y hiện số thì trung gian không đồng cũng không chiếu, hưởng chi ngoài một vạn tám ngàn. Tuy nhiên cũng là một phen (nhất vãng) hào quang chiếu chỉ khiến thấy một vạn tám ngàn. Đáp chỉ dẫn hai vạn Đức Phật quá khứ, đủ để tiêu biểu đạo đồng, đủ để có thể giải thích nghi niệm. Cho nên, xuất định thì dẫn mười phương ba đời, đâu chỉ như trước đã thấy đã dẫn.

Hỏi: Nếu vậy thì tại sao có thể dùng số mà làm sở biểu?

Đáp: Phạm có tiêu biểu thì cũng đều căn cứ hiện số, bồng đến ba vạn lẽ nào không tiêu biểu ư? Do pháp môn tự tại vô tận, hưởng chi chánh vì sở biểu! Vả lại đến một vạn tám ngàn, hai vạn Đấng Minh, nếu giải thích theo Quán tâm thì vẫn tiêu biểu hai vạn, như trước hai ngàn tức hai vạn. Như Bồ-tát tám vạn, căn cứ đây nói có thể biết. Nếu đầy đủ thì dùng hai vạn để tiêu biểu, tức nêu Quyền Thật đầy đủ.

“Họ Phả-la-đọa...”: Chân Đế giải thích là một họ trong dòng Bà-la-môn. Kinh Bản Hạnh Tập dịch là “trùng trùng”, chữ “trùng” là bình thanh. Hết thấy chư Phật đều không ở hai họ hạ tiện còn lại, còn dòng tôn quý là Sát đế lợi, người đa văn thì thuộc dòng Bà-la-môn. Lại, trước khó điều phục là dòng Sát-lợi, thanh dễ điều phục là Bà-la-môn.

Hỏi: Ba đồng phán xét văn, dòng họ sao làm khác?!

Đáp: Dòng họ thuộc Tổ phụ, tên thì tùy theo đức của mỗi người, dù cho dòng họ khác chưa đủ gọi là trái. Nếu tác nghĩa đồng thì đều là lý kia, tôn quý và đa văn nghĩa đồng danh biệt, như trong hợp danh, lẽ nào vì xưa nay đồng danh Thích-ca.

Nói “Năng nhân”: Cũng là căn lợi nhanh chóng không trái vật tình cho nên được người trong nước theo như chợ. Cái gọi là “không hai” tức đều viên mãn chúng tâm, cho nên gọi là “nói lời viên mãn” (mãn ngữ). Mãn ngữ chỉ là Năng nhân. “Một, tám vương tử” cũng lại như vậy. Nếu vậy thì mười phương chư Phật vị nào mà chẳng lợi căn bình đẳng? Đáp: Bản dẫn khiến đồng, cần gì phải cầu khác? Hưởng chi nay chỉ dùng ba thứ đồng theo lệ, danh đồng chính là từ phương tiện đến. Như năm Đức Phật dẫn đồng, mười phương đều từ đốn khai tiệm, đều khiến đến Nhất thiết chủng trí. Đây tên của tám người con, làm bốn đối để giải thích, chỉ được giải thích theo Quán tâm, ba thứ còn lại thì hoàn toàn không. Kinh dạy: “Mỗi vị đều lãnh trị bốn châu thiên hạ”, có chỗ nói: “Kim luân ắt không gặp Phật”, đây thì không như vậy, các vị ấy đều không theo lệ. Nói “phát tâm Đại thừa”: Chỉ là bốn hoàng thế, các vị Thanh-

văn này ở chỗ Đức Phật Đại Thông trước đã từng phát tâm, hướng chỉ được hội nhập mà lại gọi là Tiểu ư? Nhưng “Phát tâm”: Tuy kinh Hoa Nghiêm nêu mười thứ mà không ngoài bốn hoàng, đầy đủ thì như trong Chỉ Quán quyển một nói rộng. “Nay chưa phát tích...”: Cũng nên nói khai quyền. Nói “phát Bản” là từ chỉ bày Tích mà nói.

Hỏi: Tập kinh là ở sau phát Bản, vì sao vẫn nói Thanh văn?

Đáp: Đây căn cứ lúc Văn-thù đáp vấn, vẫn là Thanh văn.

Hỏi : Nếu vậy thì đầu kinh không lẽ nói cũng gọi là Thanh văn?

Đáp: Theo xưa liệt kê như thế, đầy đủ như trong giải thích Tựa.

Cho nên, giải thích thì trước cần phải thuận theo kinh hiện văn thứ lớp, vả lại tán thán Tiểu kia. Lại, căn cứ giáo và dùng Bản tích, lựa chọn ý văn căn cứ nay để nói.

Hỏi: Đây nói “phát Bản” cùng “phát Tích” có gì sai khác?

Đáp: Đại đồng Tiểu khác. Phát là khai. Hoặc là Tích che Bản, khai cái năng che kia gọi là “phát tích”. Tích đã phát rồi thì thấy Bản kia. Căn cứ biên hạn sở khai kia, thì gọi là “phát Bản”. Vì che Bản, nên Tích là Năng che, Bản là Sở che.

Căn cứ biên hạn sở trừ, gọi là “phát Tích”. Căn cứ biên hạn sở kiến, thì gọi là “phát Bản”. “Văn dưới”: là đầy đủ như trong phẩm Ngũ Bách Thọ Ký nói, thì biết hết thủy Đầu-giác, Thanh-văn đều là Bồ-tát. Từ “Xưa nêu” cho đến “thì có”: là giải thích nghi. Sự nghi xưa cùng nay, nay đồng ứng tất cả đồng, vì sao nay đầy đủ năm Tựa mà xưa chỉ có hai? Đầu là hiện tượng, từ “Di-lặc nên biết” trở xuống: là hoài nghi. Từ “Lúc bấy giờ có Bồ-tát” trở xuống : là tiện luận thuyết kinh. Sở dĩ xưa chỉ có hai, là có hai ý: Trước dẫn nêu xong. Tiếp “Đã nói...” là giải thích trong đó có hai: Một là nêu văn không nghĩa có, Hai “Lại nếu...” là nêu ẩn xưa hiện nay. Từ “Chủ yếu đáp hai lý kiêm...”: là lược. Nếu đầy đủ dẫn ba Tựa để đáp câu hỏi của Di-lặc thì trở lại thành Văn-thù dẫn xưa đáp, có gì mà không được? Chỉ Văn-thù xét biết tâm niệm của chúng lúc ấy đều hướng đến mình. Cho nên Di-lặc nói: “Bốn chúng đều mong ngóng nhìn ngài và nhìn ta”. Là do ẩn xưa ba mà chỉ thuật hai, khiến biết sau vấn đáp tức nói Pháp Hoa, khéo trình bày điều mình thấy để thỏa lòng mong muốn của hội chúng. Thích hợp thời thì có gì thêm? “Lại nếu...”: ý thứ hai, chỉ duyên không trình bày xưa đáp. Cho nên dùng lời mình đầy đủ từ đầu đến cuối. Đầu nói Pháp Hoa cuối cùng tận diệt độ, cho đến khi kết hội mới kết thuật, nói: “Nay thấy điềm lành này cùng xưa không khác...”, cho đến kệ nói: “Ta thấy Phật Đấng Minh xưa đã phóng quang như đây, bởi thế biết Phật nay, muốn nói kinh Pháp

Hoa” chỉ lợi vật tùy căn cơ, đâu có nhọc phí lời. Cho nên ẩn vấn đáp chỉ thuật lại điều mình thấy. Nếu vậy thì đâu ngăn ngại thuật chúng? Đáp: Căn cứ lúc trước khi thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa không nói có chúng vây quanh... Vả lại nói không có chúng mà nói kinh Đại Thừa Giáo Bồ-Tát Pháp, số Bồ-tát được giáo hóa đến hai mươi ức, lẽ nào phải chúng ư? Huống chi hai thứ này bao gồm ba thứ còn lại thì đâu cần thuật. Nếu vậy thì sao không thuật vấn? Đáp vấn ắt có đáp tướng tùy theo phải thiếu. Trong phần đầu nêu “người sở nhân”, thì: trước là thuật không đồng làm trưng dẫn khởi, tiếp theo là thuật Diêu sư làm giải. Nói “nhân thác”: là người lưu thông tức chỉ Diêu Quang. Nói “không phải trực tiếp” là không như nay, Đức Phật xưa vừa xuất định thì thuyết kinh, Đức Phật nay xuất định thì trực tiếp nói với Thân-tử. “Đức Phật kia...” là tiếp nêu Diêu Quang chẳng phải là người được đức Phật kia từ định ra bảo trực tiếp. “Như nay...” là nêu rõ Thân-tử chỉ kham đối với Phật bảo, mà chẳng kham lưu thông cho nên nói “chưa chắc”. Tiếp, “nhân thác...” nêu rõ Đức Phật kia lưu thông thuộc nơi Diêu Quang cho nên nói: “chẳng ai bằng”. Tiếp, “Như nay...” là dẫn người nay lưu thông đồng với Diêu Quang kia chẳng phải không có, hoặc là bằng. Đây Đức Phật hoàng tuyên không có ai bằng Văn-thù không thể là thường cho nên nói “không như”. Tiếp “Phật nay...”: nêu Phật nay đã không tán thán Thân-tử xưa Phật sở dĩ không tán thán người được trực tiếp bảo, cho nên biết xưa nay đều tán thán người hoàng thông, cho nên nói “hà tất”. “Hà tất”: là lời không tán thán. “Văn-thù...” là lập lại dẫn tán thán người lưu thông. Tiếp, “Lại xưa...” là thuật Cổ sư, “dùng Dục Vương làm sở nhân”: là chấp nhận mà không dùng. Nay sư thấy đầu phẩm Pháp Sư nói: Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nhân Dục Vương Bồ-tát để bảo với tám vạn Đại sĩ, tức dùng Dục Vương làm người sở nhân. Nếu dẫn Dục Vương so sánh Diêu Quang, thì gần giống có thể như vậy, mất đi sâu sắc của Thân-tử thì không thể. Chỉ nói văn có nói sở nhân cũng là lời đối cáo. Lại nói có thể như vậy. Nói “dẫn xưa để chứng minh nay có chút không giống” tức là nếu dẫn xưa Đãng Minh chánh nói người đầu tiên đối bảo để chứng minh Dục Vương nay thì không giống, so sánh với Thân-tử đây thì giống. Nói “chút ít”: Cũng đồng Văn-thù. “Hoặc nói...” lại dẫn lời cổ sư. Nói “bất tiện”: là khi giải thích nghi thì Như Lai tại định, khi xuất định thì nhân căn cơ chẳng phải nhân Văn-thù. Sau khi xuất định thì chỉ nói “Bảo Xá-lợi-phát”, đâu được đem việc người giải thích nghi trong khi Phật tại định, để làm người đối bảo khi Phật xuất định ư? “Nay nêu...” là bài xích xưa giải thích không đúng, cho nên tổng

nói “không như vậy”. “Kinh nói: Lúc bấy giờ đức Phật Đấng Minh từ trong Chánh định mà dậy nhân Diệu Quang Bồ-tát mà làm...”: là trách xưa. Văn nói nhân Diệu Quang mà nói kinh, đâu được nói nhân Diệu Quang mà lưu thông. “Đây mới...” là trách hai sư. “Công” là rõ ràng, “kháng” là chống cự, hai chỗ đều là xuất định đối bảo, bảo là lời dạy bảo. Nếu dùng Diệu Quang làm lưu thông, Dược Vương làm đối bảo, thì trái kinh chống lại Phật, đâu có liên quan đến giải thích kinh. “Xưa nhân...” là dẫn các việc đồng chẳng phải chỉ một đường. Nói “Tích môn đã xong...”: chẳng phải nói Tích môn hoàn toàn xong, mà chỉ là xong chu Thí thuyết. Liền nói “Bảo Xá-lợi-phất, người vô trí đây...”. “Nay xưa...” là tổng kết bài xích. Nói “lại làm sao thắng” : là trước giải thích nạn rằng: Xưa đã phát Tích thì gọi là Bồ-tát, nay chưa phát Tích thì gọi là Thanh-văn, các việc đã đồng nên sở nhân cũng đồng. “Mà cận...” là bài xích dẫn Dược Vương. Mà cận bỏ ban đầu Chánh thuyết, vì chọn lưu thông làm đầu. “Lúc bấy giờ...” là thuyết pháp danh đồng trong kinh, chỗ tán thán cùng Vô Lượng Nghĩa lời câu không khác. Nếu giải thích trong đây, thì “Giáo Bồ-tát Pháp” là y nghĩa tựa trước, chẳng phải ý chánh tông. Nếu làm danh khác thì cùng nay không khác, cho nên không lập lại giải thích. “Hạnh hậu không cảnh”: là sau khi thấy các thứ hạnh của thời Phương-đăng Bát-nhã thì không thấy hội Pháp Hoa Niết-bàn, mà chỉ thấy việc xây tháp cúng dường, cho nên nói “không cảnh”. Vì vậy nên “Nay Văn-thù đáp...”: là đáp rút từ trong Pháp Hoa hội, tức là sự sau các hạnh.

“Sáu mươi tiểu kiếp như trong khoảng bữa ăn”: sáu mươi cùng năm mươi, bữa ăn cùng nửa ngày, tợ khác chút ít đều là dài mà ngắn cho nên nói “đồng”. Sinh công nói: Lẽ nào thật như vậy ư? Chỉ là tiêu biểu tâm chí trọng pháp nên mượn thời gian nói thôi! Nếu nói mượn thời gian thì nên nói “như sáu mươi tiểu kiếp”, đâu được chỉ nói “sáu mươi tiểu kiếp như trong bữa ăn”, cho nên chỉ là tình, nghĩa là chẳng thật ngắn. Tin Kinh văn nói sáu mươi tiểu kiếp chẳng hư dối, chí nghe pháp được tăng thêm do uy Phật, một phen ngồi quên mất thời gian lâu. Các nhà chú giải, ban đầu dẫn Tịnh Danh rút kiếp làm ngày, diễn ngày làm kiếp, chính là đức Phật rút gọn coi như bữa ăn. Đây là trái kinh, nghĩa là nói bằng, cũng không bằng nói “chí trọng pháp”, chỉ vì nói dựa thời gian cùng kinh trái đó thôi! Dẫn quá ngắn ngủi, bèn nói hướng chỉ huyền môn cận chân nhất, vì sao không dùng lịch kiếp làm số khắc ư? Tuy lại so sánh giải thích lý xong nhưng chưa rõ. Nay là cho như người thế gian: lúc khổ thì thời gian ngắn mà thấy dài, lúc vui thì thời gian dài

mà thấy ngẩn. Đây cũng dài ngắn theo tình (thời gian tâm lý). Có chỗ nói “thọ nhận Phật pháp ví như thức ăn ngon nhưng chưa no, thí dụ này hơi thông suốt. Có người đổi việc này lập bốn câu, như Trung luận phá. Đây thì không như vậy, ắt chẳng phải thính giả trong đó tu quán, mà chính là Phật lực mà chúng nghe quên cả thời gian. Cho nên, biết Trung luận quán pháp chỉ phù hợp với hàng độn căn đời mạt pháp thôi!

Kinh nói: “Phạm ma...”: “Phạm” tức là chủ Sắc giới, cũng là chủ tam giới, “ma” là chủ Dục giới. “Sa-môn”: Trung Hoa dịch “Cần tức”, là siêng dứt ác. “Bà-la-môn”: Trung Hoa dịch Tịnh hạnh, xuất gia trong ngoại đạo gọi là tịnh hạnh chủng. Người xưa lạm dùng đây để giải thích bốn chúng. Nếu nhiếp chúng đủ thì tại sao lại nói “và thiên nhân” ư? Chỗ liệt bày không đồng đều hưởng nêu lên. Trong đây trước nêu chủ hai cõi Dục và Sắc bốn dòng họ nêu thắng, lục đạo nêu thiện, đều lại theo thắng. Lược các đường ác khác: Đều chọn người nhập Phật pháp dễ. Cổ Phật xưa đã vậy, Phật nay cũng vậy. “Ca-diếp Phật...”: Nên nêu rõ Phật cùng cõi nước có tịnh ược Niết-bàn tiến hay không, để so sánh Đấng Minh, vì vậy nên Ca-diếp dùng cõi tịnh. Pháp Hoa xướng diệt tức nhập diệt. “Phật nay...”: Cuối văn trường hàng nói: “Tức thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni dùng thần thông lực tiếp dẫn đại chúng đều bay lên hư không, dùng âm thanh lớn bảo khắp đại chúng: Ai có thể ở thế giới Sa-bà rộng nói kinh này, nay chính phải lúc. Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”. Chỉ nay Phật tuy xướng mà chưa liền diệt cho nên nói “không bao lâu”. Phẩm Tín giải cũng nói: “Sắp chết không bao lâu nữa”. Do ở cõi ược nên nói bỏ (chước) mạng, vì lược lật nên giúp đỡ, luật nói thường khiến trụ thế lâu dài. Kiêm quyền nêu rõ thật trợ phát thật, Đối thật dụng quyền hiển quyền lực. Quá khứ thường, vị lai thường, đầu cuối là một. Sắc thân là thường thân bởi vì vô sinh diệt. Tuy đây không đồng mà sự xướng diệt đồng. Trong phần Thọ ký đồng, trước là chánh thuật trưng dẫn câu hỏi. “Việc xưa...” là đáp. “Nếu nói...” là nêu ẩn ý xưa. “Văn-thù khéo luận đàm không phát tích”: là nêu ẩn ý, ý đợi định khởi. Sở thuyết một đời chẳng phải không viên dung, chưa thọ ký Nhị thừa thì hóa đạo không thông suốt. Nay mới bắt đầu liền “thôi công hữu quy”, đâu thể nào Văn-thù bỗng kết thúc tận lý, cho nên ẩn sở kiến đợi Phật xuất định. Nói thọ ký Đức Tạng thời chúng không kinh (sợ) ngạc, cho nên nói “các kinh đều như vậy”. Trong câu “Người chấp giáo thì không kinh sợ vân vân”, thì “vân vân” là: lẽ ra phải trình bày ý “thọ ký, không thọ ký” trong giáo pháp một đời của Phật. Như Hoa Nghiêm pháp giới, chỗ nào không bao hàm? Cách biệt Thanh-văn kia

khuyến như điếc câm, phần sau tuy có thọ ký mà sự trái nghịch. Thời Lộc-uyển ban đầu nghe chuyên chỉ Tiểu thừa, thời Phương-đăng thì còn muội, thời Bát-nhã thì còn sinh. Tuy Lãng-già Phương-đăng có nói thọ ký Tiểu thừa, nhưng Lãng-già chính là mật đối Bồ-tát, Phương-đăng vì bài xích bỏ Thanh-văn, cho nên một đời giáo văn rõ ràng chỉ có đây. Xin kiểm tra Đại tạng thì mới nghiệm có sở quy. Cho nên người ủng hộ chấp quyền giáo, tức Thanh-văn vĩnh viễn trú Niết-bàn, mà ẩn nói xưa thọ ký Tiểu thừa. Từ sau dùng Bồ-tát lập hiệu, hoặc sợ người nghe kinh nghi sợ giáo, hoặc sợ giữ chiếu để quên sau nghe. Đây trước chưa sợ... Văn nói nơi nơi, cho nên không lập lại luận.

Ý “giải thích nghi”: “Di-lặc” tuy ở trong số tám trăm, vì đi nhiều bỏ tu tập, cho nên gọi là “Cầu danh”. Tuy nhờ nhân xưa phụ giúp Đức Phật Thích-ca, mà đâu được như Diệu Đức các giáo luận đàm đầy đủ, huống chi từng làm thầy giải thích nghi chẳng sai lầm. Nói “mật khai thọ lượng”: Kích động trước thời chúng, mật phát nguyên nhân nghi, lẽ nào tại Già-da vừa thành đạo, mà đã làm thầy vì đệ tử, lúc ấy đệ tử đâu được gọi là tôn kính. Thầy ở hai nơi, thì ai thật nói? Đã là thầy trò không cố định thật, thì Bản tích khó nương tựa (bằng cứ). Cuối cùng cần phải khảo xét tường tận khiến lý có chỗ trở về, mật sinh nguyên nhân kia thì Bản tích mới xét kỹ.

“Chín đời tổ sư”: Nếu luận tám người con ấy đều học với của ngài Diệu Quang, thì tám người con đều coi Diệu Quang mà là Sư phụ. Đã nói tám người con lần lượt được thọ ký, tuy đồng một thầy Diệu Quang nên trước thọ ký trưởng tử, các vị còn lại thứ lớp lần lượt làm thầy. Cho nên được Diệu Quang ở đầu tám đời. Trong tám vị ấy, vị cuối cùng tên là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng đã là thầy của đức Thích-ca, vì vậy nên Diệu Quang là tổ của chín đời. “Sinh phi sinh...”: vì thầy trò xen lẫn, nên biết thầy trò sinh thật chẳng sinh. Vậy như thế trước từng diệt, diệt cũng phi diệt, ắt từ lâu từng chứng lý phi sinh phi diệt thường trú. Tích thì thị hiện sinh diệt nên nói “phi...”. Lại, Tích thì khó lường, cho nên nói “sinh phi sinh”. Bản lý diệu cho nên nói “diệt phi diệt”. Bản tích tuy sai khác mà bất tư nghì nhất, cho nên phải dùng thầy trò phi sanh phi diệt để dự mật biểu.

“Hỏi: Di-lặc...”: Xưa tám mươi kiếp thọ lãnh lời dạy của Diệu Quang, tuy không thông lợi đâu được không nghe? Nay được Bồ xứ, trí xưa không thể quên, vì sao mà nay còn sinh nghi để hỏi?

Đáp ý: Đây y quyền đạo không theo thật hành. Thật hành tuy tức từng nghe, đâu ngăn ngại nay vẫn còn do dự. Nhưng nhớ việc xưa từng

nghe trong hội Pháp Hoa được thọ ký... cũng nên nhớ xưa từng thấy tướng trong hội Pháp Hoa, nguyên do trước để giải thích nghi. Cho nên biết thật vị Bồ xứ giúp Ứng hóa Phật, chỉ bày trải qua năm vị cũng lại theo Quyền. Vì vậy trong văn, theo Quyền để giải thích.

Tiếp, tổng phần “phân minh phán” thì trước là nêu vượt ý, tiếp là chánh giải thích. Nêu vượt ý: Suy nghĩ kỹ đã suy lường xưa nay, nên biết tư duy thấy đã rõ ràng cho nên nói “không lầm”. Vì pháp đáp thì trước là trưng dẫn, sau là thêm vào, cho nên đến phán xét rõ, phải hiển bày trước chẳng nghi, nên nói “đều quyết định”. Đều nói “tiêu biểu tất cả”, tức đầu sau đều quyết, lẽ nào Văn-thù Đại Thánh trước tư duy sau sẽ thuyết? Tiếp, “Sẽ nói...”: là trong chánh giải thích. “Sẽ nói...” là sẽ nói... hợp với kinh. Khai kinh lấy đó làm tiêu biểu, khai vì hợp điềm lành, lý quyết định không nghi. “Tên Diệu Pháp...”: “Hoa” ắt có liên (sen), như nhân quyết định khắc quả, cho nên biết sẽ nhập diệu nhân, quyết định dụng bốn loại mưa hoa làm tiêu biểu. “Giáo Bồ-tát...”: Từ đây về trước các căn cơ vẫn còn cách biệt, bắt đầu trong pháp hội này căn tánh muốn thuận thực, thấy điềm lành thì vui mừng sẽ nhập Hạnh, Lý; định dùng người vui lấy đó làm tiêu biểu. “Phật Sở hộ niệm...”: trong lý sở hộ thì đất không chấn động, muốn niệm mở rộng khiến sẽ nhập quả. Nhập quả kiến lý, lý là sở hộ, cho nên dùng đất động làm tiêu biểu kia. “Kiềm tổng nhập định...”: bốn điềm lành tổng do trong định mà thành. Thuyết pháp tuy tức không chuyên do định, mà thuyết là tuệ tánh, toàn định làm thể, cho nên khai định hợp định tổng nhiếp Giáo Hạnh, Nhân, Lý.

“Có người...”: là thuật xưa, chính là hiện điềm lành thời đồng cho nên được dùng điềm lành làm nay. Tàn hết mới gọi là “đã rồi”. Vì sao Phật tại định, mưa hoa động đất rõ ràng, chúng vui vẻ, hào quang sáng đầy mà người xưa nói “đã rồi”? Là vì đặc biệt không theo văn, mà chỉ nói pháp vừa dứt! Huống chi chúng còn ngồi tại pháp hội chưa giải tán, thế nên nhiều điềm lành đều gọi là “nay”. Cho nên dẫn văn nói: “Nay thấy điềm lành đây”. Nay vì sao ngăn cách điềm lành thông suốt, mà cho rằng đây thuộc về điều sẽ đến, cho nên nói “sẽ thuyết”? Trước nói “xưa đồng vân vân” thì “vân vân” là: chánh chỉ trong đây. “Cho nên tác...”: là xác định sáu điềm lành là nay, đầy đủ gồm hai nghĩa: 1. Có văn chứng, văn nói: “Nay thấy điềm lành đây”. 2. Suy tìm lý: Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa sự xong, thì chúng vẫn còn, Phật nhập định. Lại, văn nói: “Bấy giờ Đức Thế Tôn từ tướng lông trắng giữa chân mày phóng ra ánh sáng”. Nhĩ thời là đang lúc bấy giờ. Nếu nói mưa hoa

dừng đất yên tĩnh là đã đồng, thì Như Lai cũng nên đã từ định dậy.

Trong kệ không tụng phần Suy nghĩ và Lược tăng. Kệ vọng trường hàng ý rộng lược, đều có phương kia (làm) để giải thích nghĩa cho nên vì nhiếp trì. Xen lẫn còn lẫn mất, mà vẫn không mất ý chỉ, hướng là đáp pháp đâu cho từng bước tiến dần. Trường hàng đã nêu khách chủ lễ tức (chân), kệ tụng chỉ nêu đại cương. Đã có “quảng tăng” phân biệt rõ, cho nên không nêu “lược tăng” và “suy nghĩ”. “Ở trong phần quảng tăng” cho đến “trung gian”: nêu trước nêu sau, trung gian so sánh có thể biết.

Tiêu biểu “Vô vấn tự thuyết”: bắt đầu phẩm Phương Tiện, Phật từ Tam-muội dậy, bảo Xá-lợi-phất..., rộng tán thán lược tán thán cõi này cõi kia, dựa nói, tuyệt nói, hoặc cảnh hoặc trí. Đây chính là căn bản của một kinh, là chức vụ chủ yếu của năm thời. Việc này không thể xem thường, cho nên phải tiêu biểu trước, tức là một trong mười hai thể loại kinh. “Hiện các...”: Đầu chỉ bốn hàng cho nên gọi là “tổng”, trong đó sáu điểm lành văn tướng vẫn sai biệt. Đầu một hàng tụng thuyết pháp. Tiếp một hàng tụng nhập định. Tiếp hai câu tụng mưa hoa, chỉ thêm trống trời để trợ giúp diệu nhân. Tiếp nửa hàng tụng chúng vui. Tiếp nửa hàng tụng đất động. Tiếp một câu tụng phóng quang. Không thể phân nhỏ, chỉ nói tổng. Vì kiêm cả trống trời. Trời rồng cúng dường không rõ rệt để nói là vui. Nên lại nói là “tổng”, bởi lý do này. Trong phần tụng cõi khác: Đầu trong tụng lục thú, ba hàng chia làm bốn: Đầu nửa hàng tụng lại tổng điểm lành. Tiếp một câu chánh nêu lục thú cho nên nói “tất cả”. Tiếp trong một câu tổng nêu nhân quả sinh tử và xứ, hai chữ “sinh tử” là tổng nêu. “Nghịệp” nêu nhân sinh tử, “báo” nêu quả sinh tử. “Xứ” tức hai mươi lăm cõi, cũng cùng đây đồng. Tiếp một hàng nêu cõi sở y. Văn trường hàng trước và trong vấn đáp, đều không nói hào quang sắc màu. Đến đây mới nói, thì trước chắc là không nói. Tiếp một hàng nêu rõ các thú cúng dường, tuy nói cúng dường nhưng ý tiêu biểu căn cơ thành. Phải biết ở phần trước cũng chẳng phải không có.

Hỏi: Đã nói trang nghiêm thì là Tịnh độ, đã nói đạo đồng thì đâu liệt Tịnh độ ư?

Đáp: Tịnh do hào quang chiếu vốn đầy đủ lục đạo. Tịnh độ thì không có tên ác đạo, cho nên biết chẳng những chỉ có sắc tịnh do hào quang mà còn có các báu đầy đủ.

“Đều cúng dường” là chỉ một vạn tám ngàn cõi. Trong câu “Căn cứ bốn giáo thì có thể biết vân vân”, thì “vân vân” là: bốn căn cơ đã

khấp nơi các thú, bốn Đức Phật, cho nên bốn giáo đều có đạo chân thật, một tòa nhậm vận ba mươi bốn niệm, nhất niệm tương ứng không thêm công lực. Hai xứ Diệu giác vốn được tự nhiên, cõi khác không thấy Đại tiểu lẫn lộn. Tiếp theo “Lệ như...” dẫn lệ để giải thích “tự nhiên”, chỉ nêu Tiểu dụ Đại. “Thất sinh...”: Ý đồng trước hỏi “Nếu nói chân đạo tự nhiên ba giáo nhập chân, thì cần gì nghe pháp?”. Vì trong đáp “như thuyền thuận dòng gặp được gió”, cho nên dẫn Tiểu làm ước lệ. Như Thất sinh (bảy đời) nghe pháp mà còn “diệt” đến một đời hai đời, hưởng chi các Bồ-tát, lẽ ra biện minh đủ tam quả Gia-gia, Nhất lai, để so sánh Địa Trụ chân đạo vị. Nay trong hào quang thấy ứng đều là quả Phật, nghĩa có thể thông nhân. Đã có Bản tích bốn câu không đồng, sao không có một cõi bản thấp tích cao, bản cao tích thấp và cùng đều thấp, bản tích đều cao? Lý lẽ là như vậy. Cho nên, “tự nhiên” xứng theo lệ kia thật nhiều. Nếu nói Pháp, Báo thì nên căn cứ Biệt Viên, cho nên chú thích “v.v...”. Nói “đem pháp ước nhân (người)” là chỉ nói pháp sâu, không nói Bồ-tát. Căn cứ pháp nên như vậy. Thứ tư gồm ba hàng, trong đó đã nói không tụng Duyên giác, thì hàng đầu tụng Thanh-văn xong, nên nói hai hàng tụng lục độ, nếu chỉ nói một hàng thì sợ là lầm. Lại, “tụng Thí Nhẫn...”: “bốn độ” cũng e rằng lầm. Trong hàng thứ hai tụng Tiến, Giới hai độ, trong hàng thứ ba tụng Thí, Nhẫn hai độ. Còn các hàng... tụng Thiền Tuệ hai độ. Nếu cho rằng hai hàng đầu tụng Thanh-văn, thì một hàng đầu chỉ nêu thấy người, tiếp một hàng nêu sự tu hành, do nói “có các Tỳ-kheo”. Chỉ trong các văn phần nhiều không dùng Tiến, Giới để tiêu biểu nơi Thanh-văn, nhưng cũng không dùng Tỳ-kheo làm Bồ-tát. Trước trong kệ phát vấn, chỉ nói: “Hoặc lại thấy Bồ-tát mà hiện làm Tỳ-kheo”. Tiếp, một hàng nêu Bồ-tát thừa, tức chỉ Tam tạng. Nói “đem người ước pháp”, chỉ nói Thanh-văn không nói Tứ đế. Căn cứ người nên như vậy. Thứ năm có hai hàng, nói tụng các tướng mạo trên. Lại nói lược không xây tháp: Đầy đủ như văn trên dùng đối lục độ. Lại như dùng ba hàng Bát-nhã đối Tam-muội. Cũng có thể bốn hàng từ “Hoặc có các Tỳ-kheo” cho đến “thuyết pháp cầu Phật đạo” là tổng tụng Bồ-tát tức lục độ nghĩa đủ, do hàng thứ ba là Thiền, hàng thứ tư là Trí, tức như văn trường hàng cũng trong Bồ-tát thừa kiêm Sinh-tô và Thục-tô, cho nên nói sáu Ba-la-mật. Từ “Khiến được...”: là ý Pháp Hoa, cũng chỉ là tiến thoái nhận lấy thôi! Nếu dựa theo sự phân biệt trước nay, tức là Lục độ bao hàm nhiều loại, do Bồ-tát đương ở vị Lạc và hai Tô. Tiếp, “Bấy giờ...”: một hàng rưỡi, tụng nói “truy tụng” là tụng theo vậy. Nếu căn cứ Huyền Văn thì dùng chữ “truy” đây, đều

nói thoái thôi! Như nói Niết-bàn thoái phân biệt các kinh, tức thoái hướng trước, nay đây chỉ dùng nghĩa thoái sau làm nghĩa theo. “Thiên nhân...”: hai hàng và hai câu, tụng “nhân người” đồng. Kinh nói: “Từ Tam-muội dậy bèn tán thán Diệu Quang”, tán thán rồi sau mới bắt đầu nói kinh, cho nên biết chính là “đối bảo”. Cho nên không thể y xưa làm người lưu thông để giải thích, huống chi chỉ nói “chứng biết”, không nói “lưu thông”. “Chúc lữ như Di giáo”: tức kinh kia ban đầu nói: “Sau khi ta diệt độ, các ông phải trân trọng cung kính Ba-la-đề mộc-xoa như kẻ mù được sáng mắt, như người nghèo được báu vật... là thầy của các ông, như ta còn ở thế gian không khác”. Mỗi mỗi đầu văn đều nói “Tỳ-kheo các ông!”. “Có bi thương như Niết-bàn”: là khóc lóc mắt đầy lệ, toàn thân rỏ ốc, máu nổi đỏ như hoa Ba-la-xa: Đây tức chí kính pháp mộ người. “Có ủy dụ cũng như kinh Di Giáo”: là cuối kinh kia nói: “Tỳ-kheo các ông! Chớ ôm lòng bi ão. Nếu ta trụ thế thêm một kiếp nữa rồi cũng phải diệt, hợp mà không ly thì quyết không thể được. Pháp tự lợi, lợi người, Như Lai đều đã tuyên bố đầy đủ. Nếu ta trụ thế lâu nữa thì cũng không có lợi ích gì.” “Ví như nay Đức Phật phó chúc cho Di-lặc vân vân...”: Như nói hể xưng “Nam mô Phật” thì đều được gặp Di-lặc..., sau Di-lặc mới thành đạo thì nói rằng Đức Thích-ca Mâu-ni quở trách các thứ sao các ông không biết, dạy gieo trồng duyên vị lai trước, nên nay được gặp ta, tức văn Di-lặc thọ sự phó chúc.

“Ta thấy...”: bốn hàng kệ không đồng. Xưa giải thích dùng làm kết thành. Cần tụng ý phần đáp của văn trên. Nếu nói là kết thành, thì thừa mà văn phần đáp lại thiếu, đâu được không đem tụng phần đáp ư? Tụng trên sẽ nói kinh Đại thừa, cũng nói tên Diệu Pháp Liên Hoa. Tụng nói “Đức Phật sẽ mưa pháp vũ...”, là tụng trên nói Giáo Bồ-tát Pháp, cho nên biết sáu câu trên chỉ nêu nguyên do muốn nói, răn dạy chúng khiến sinh ngưỡng mộ. Tụng nói “Các người cầu tam thừa”: tụng trên nói Phật sở hộ niệm, vì được Phật hộ niệm cho nên được đoạn nghi. Cùng với văn trên tương hợp hết, đâu được không tụng trên ư! Nếu làm giải thích đoạn phục nghi, thì văn lại diệu đồng. Đoạn ý thứ nhất: điềm lành vi diệu vốn tiêu biểu báo đối với pháp đồng. Đoạn ý thứ hai: Điềm lành đồng pháp ắt thật tướng. Đoạn ý thứ ba: Đến hội này đều không mong cầu khác. Đoạn ý thứ tư: ba nghi được trừ, công ở nơi Phật. “Sự cùng...”: Sự cùng nghĩa là danh đẳng tam, lý tận nghĩa là sở hiển là thể. Sự lý hợp nhất, đâu còn nghi nữa.

